

Số: 2180838

|                                                | New Mazda CX-8 2.5 Signature AWD               | Sorento Hybrid 1.6L Signature |
|------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 1.149.000.000đ                                 | 1.247.000.000đ                |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                                                |                               |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4900 x 1840 x 1730                             |                               |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2930                                           |                               |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5800                                           |                               |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 200                                            |                               |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1770                                           |                               |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2365                                           |                               |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 209                                            |                               |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 72                                             |                               |
| Số chỗ ngồi                                    | 7                                              |                               |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                               |                               |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                                                |                               |
| Loại động cơ                                   | SkyActiv-G 2.5L                                |                               |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 2488                                           |                               |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 188 / 6000                                     |                               |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 252 / 4000                                     |                               |
| Hộp số                                         | 6AT                                            |                               |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                                |                               |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                             |                               |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm                               |                               |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                            |                               |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                            |                               |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R19                                     |                               |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 13.38                                          |                               |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 7.34                                           |                               |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 9.58                                           |                               |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                              |                               |
| Chế độ lái                                     | Normal - Sport - Offroad                       |                               |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao (GVC Plus) |                               |
| NGOẠI THẤT:                                    |                                                |                               |
| Cụm đèn trước                                  | LED Projector                                  |                               |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                              |                               |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | Đèn thích ứng thông minh ALH                   |                               |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                              |                               |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | Mở rộng góc chiếu theo hướng đánh lái AFS      |                               |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                              |                               |
| Đèn sương mù                                   | LED                                            |                               |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                            |                               |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                              |                               |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                              |                               |

|               |                                  |
|---------------|----------------------------------|
| Cửa sổ trời   | ●                                |
| Trang bị khác | Đèn pha thích ứng thông minh ALH |

### **NỘI THẤT - TIỆN NGHI:**

|                                      |                 |
|--------------------------------------|-----------------|
| Vô lăng bọc da                       | ●               |
| Chất liệu ghế                        | Da Nappa Nâu Đỏ |
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●               |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | ●               |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ●               |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●               |
| Màn hình HUD                         | ●               |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 8"              |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ● (Không dây)   |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●               |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 3               |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●               |
| Chìa khóa thông minh                 | ●               |
| Khởi động nút bấm                    | ●               |
| Hệ thống âm thanh                    | 10 loa Bose     |
| Phanh đỗ điện tử                     | ●               |
| Giữ phanh tự động Autohold           | ●               |
| Rèm che nắng                         | Chỉnh tay       |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●               |

### **AN TOÀN:**

|                                                 |                |
|-------------------------------------------------|----------------|
| Số túi khí                                      | 6              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●              |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●              |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●              |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●              |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●              |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●              |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước/Sau      |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●              |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●              |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●              |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | ●              |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●              |
| Camera lùi                                      | ● (Camera 360) |